

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN THU - CHI CÁC NGUỒN KINH PHÍ TẠI ĐƠN VỊ
Tháng 04 năm 2025

1. DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO

Mã nguồn NSNN	Kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán giao bổ sung	Dự toán được điều chỉnh trong năm	Tổng dự toán giao năm 2025	Dự toán đã sử dụng		Dự toán còn lại
						Tháng 4/2025	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
12		9.030.700.000			9.030.700.000	1.620.205.035	1.795.035.680	7.235.664.320
13	1.896.010.653	15.821.145.000	0		17.717.155.653	2.821.677.613	5.006.295.865	12.710.859.788
18	"	709.073.000			709.073.000	0	0	709.073.000
Cộng	1.896.010.653	25.560.918.000			27.456.928.653	4.441.882.648	6.801.331.545	20.655.597.108

2. TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC: 3713.0.1012141

STT	CÁC LOẠI TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
2.1	Tiền gửi các quỹ: (SNPT; KT, P.Lợi,...)	464.875.554	-	-	464.875.554	
	+ Quỹ Khen thưởng (94005)	91.191.506	-	-	91.191.506	
	+ Quỹ Phúc lợi (94006)	2.887.210	-	-	2.887.210	
	+ Quỹ bổ sung thu nhập (94007)	120.041.475	-	-	120.041.475	
	+ Quỹ PTHĐSNo (94001)	250.755.363	-	-	250.755.363	
2.2	Tiền ăn 11 ĐT.Tây Ninh (00000)	-	-	-	-	
	Tổng cộng	464.875.554	-	-	464.875.554	

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG

Tài khoản: 7101.0000.525784 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Tiền Giang (BIDV).

STT	TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh có (thu)	Phát sinh nợ (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
3.1	Tiền gửi từ thiện : 7101.0000.525.784	500.000.000	-	-	500.000.000	
3.2	Tiền gửi từ thiện (không kỳ hạn):	215.948.246	36.682	9.720.000	206.264.928	Phát sinh tăng: +Tiền lãi:36.682 đ Phát sinh giảm: 9.720.000đ mua hoa tết
	Tổng cộng	715.948.246	36.682	9.720.000	706.264.928	

4. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến 30/04/2025)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
4.1	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	952.000	23.556.400	23.175.600	1.332.800	
4.2	TM-1111.3: Tiền từ thiện đối tượng	95.182.438	17.514.000	32.984.880	79.711.558	
4.3	TM-1111.4: Tiền mặt tiền gửi (tiền gửi kho bạc rút	-			-	
4.4	TM111.5: Dịch vụ	5.452.600	-	-	5.452.600	
4.5	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	10.000.000	4.000.000	8.789.790	5.210.210	
4.6	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	80.509.350	1.800.000	450.000	81.859.350	
	Tổng cộng	192.096.388	46.870.400	65.400.270	173.566.518	

5. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến hết ngày 25/05/2025)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến ngày công khai	Ghi chú
4.1	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	1.332.800	2.208.600	1.827.800	1.713.600	
4.2	TM-1111.3: Tiền từ thiện đối tượng	79.711.558	28.020.000	86.641.400	21.090.158	nộp 50tr vào TGNHKKH
4.3	TM-1111.4: Tiền gửi KB: rút TM về chi (PL)	-			-	
4.4	TM111.5: Dịch vụ	5.452.600	-	-	5.452.600	
4.5	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	5.210.210	4.000.000	5.542.400	3.667.810	
4.6	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	81.859.350	2.816.000	1.250.000	83.425.350	
	Tổng cộng	173.566.518	37.044.600	95.261.600	115.349.518	

Người báo cáo

Đặng Thị Mỹ Oanh

Ngày 26 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hoàng Sĩ